

CHỈ SỐ CÔNG TƠ VÀ SỐ ĐIỆN SỬ DỤNG KTX K1
Tháng 5/2015

STT	Số phòng	Số SV ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (1.786*10%)	Thành tiền	Ghi chú
1	101	Phòng trực Y tế	3.409	3.446				
2	102	8	3.904	3.994	90	1.965	176.814	
3	103	8	5.480	5.581	101	1.965	198.425	
4	104	6	3.956	4.023	67	1.965	131.628	
5	105	7	3.821	3.935	114	1.965	223.964	
6	106	8	3.233	3.362	129	1.965	253.433	
7	107	PSHC	1.565	1.593			0	
8	108		1.514	1.555			0	
9	109	7	1.866	1.944	78	1.965	153.239	
10	110	7	2.550	2.695	145	1.965	284.867	
11	111	6	2.356	2.451	95	1.965	186.637	
12	112	8	4.291	4.422	131	1.965	257.363	
13	113	7	3.235	3.406	171	1.965	335.947	
14	114	6	3.913	4.043	130	1.965	255.398	
15	201	6	2.317	2.317	0	1.965	0	
16	202	5	4.609	4.676	67	1.965	131.628	
17	203	7	3.411	3.454	43	1.965	84.478	
18	204	8	6.257	6.384	127	1.965	249.504	
19	205	8	4.679	4.690	11	1.965	21.611	
20	206	8	4.519	4.520	1	1.965	1.965	
21	207	4	2.603	2.680	77	1.965	151.274	
22	208	8	4.806	4.899	93	1.965	182.708	
23	209	8	4.619	4.737	118	1.965	231.823	
24	210	7	5.086	5.163	77	1.965	151.274	
25	211	7	4.689	4.853	164	1.965	322.194	
26	212	8	5.853	6.003	150	1.965	294.690	
27	213	8	5.565	5.826	261	1.965	512.761	
28	214	8	5.371	5.527	156	1.965	306.478	
29	301	1 SV ẩn độ	3.743	3.760	17	1.965	33.398	
30	302	8	5.336	5.498	162	1.965	318.265	
31	303	7	4.807	5.002	195	1.965	383.097	
32	304	8	4.184	4.309	125	1.965	245.575	
33	305	8	4.910	5.051	141	1.965	277.009	
34	306	6	4.070	4.165	95	1.965	186.637	
35	307	PSHC	626	675		1.965	0	
36	308		526	556		1.965	0	
37	309	8	4.265	4.389	124	1.965	243.610	

38	310	7		5.603	5.728	125	1.965	245.575	
39	311	5		3.459	3.459	0	1.965	0	
40	312	8		3.969	4.258	289	1.965	567.769	
41	313	8		4.946	5.092	146	1.965	286.832	
42	314	7		5.619	5.725	106	1.965	208.248	
43	401	8		2.991	3.103	112	1.965	220.035	
44	402	8		3.661	3.737	76	1.965	149.310	
45	403	3		2.818	2.877	59	1.965	115.911	
46	404	7		2.913	3.004	91	1.965	178.779	
47	405	2		3.900	3.979	79	1.965	155.203	
48	406	6		6.079	6.145	66	1.965	129.664	
49	407	8		5.206	5.327	121	1.965	237.717	
50	408	7		3.238	3.358	120	1.965	235.752	
51	409	8		4.577	4.778	201	1.965	394.885	
52	410	8		2.673	2.803	130	1.965	255.398	
53	411	8		4.397	4.509	112	1.965	220.035	
54	412	7		5.622	5.767	145	1.965	284.867	
55	413	8		3.652	3.652	0	1.965	0	
56	414	7		4.268	4.409	141	1.965	277.009	
57	501	7		2.154	2.248	94	1.965	184.672	
58	502	8		4.243	4.340	97	1.965	190.566	
59	503	6		1.843	1.870	27	1.965	53.044	
60	504	8		2.139	2.284	145	1.965	284.867	
61	505	7		2.391	2.536	145	1.965	284.867	
62	506	1	SVNN TT	3.632	3.741	109	1.965	214.141	
63	507	3	CPC	1.518	1.583	65	1.965	127.699	
64	508	1	SVNN TT	5.247	5.527	280	1.965	550.088	
65	509	1	SVNN TT	2.754	2.810	56	1.965	110.018	
66	510	8		3.016	3.136	120	1.965	235.752	
67	511	8		5.834	6.002	168	1.965	330.053	
68	512	8		2.995	3.100	105	1.965	206.283	
69	513	1		2.875	2.945	70	1.965	137.522	
70	514	8		4.380	4.524	144	1.965	282.902	
	Cộng	429				7.199		14.143.155	

(Bảng chữ: Mười bốn triệu một trăm bốn mươi ba nghìn một trăm lăm mươi năm đồng)

Trong đó: - Nhà trường hỗ trợ cho sinh viên nước ngoài thực tập là 500.000 đ/phòng

- Số tiền phải nộp là: 13.318.996 đồng

PHÒNG QUẢN TRỊ PV TT DV TỔNG HỘI
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KTX

NGƯỜI ĐỌC SỐ NGƯỜI LẬP




ThS Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Đào Việt Hòa

Trần Thị Hà